Chi tiết mã HS 8704.22

Mã HS	8704.22
Mô tả hàng hóa	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	07/11/2026 10:52:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/870422/

18 dòng thuế thuộc 8704.22

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8704.22.11	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Dạng CKD (SEN): / - - - - - Ô tô tải đông lạnh (1)	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.3 và b.5.4 khoản 2.2 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.19	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Dạng CKD (SEN): / - - - - - Loại khác	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.21	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô tải đông lạnh (1)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.22	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8704.22.23	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.24	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.25	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được(SEN)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.29	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 6 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác	chiếc	75%	50%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.31	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Dạng CKD (SEN): / - - - - - Ô tô tải đông lạnh (1)	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại điểm b.5.3 và b.5.4 khoản 2.2 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.39	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Dạng CKD (SEN): / - - - - - Loại khác	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.41	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô tải đông lạnh (1)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.42	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8704.22.43	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.45	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được(SEN)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.46	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị, khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 10 tấn	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.47	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị, khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.51	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác: / - - - - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 10 tấn	chiếc	75%	50%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.22.59	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác, loại chỉ sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy do nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 6 tấn nhưng không quá 20 tấn: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác: / - - - - - - Loại khác	chiếc	45%	30%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.